

Số: 907 /TB-TĐHYKPNT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 5 năm 2015

THÔNG BÁO TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2015

SỞ Y TẾ TỈNH KIẾN GIỚI
Số: 4099
Ngày: 15/5
Chuyên: DẪN

Trường Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch sẽ tổ chức thi tuyển chuyên khoa cấp I (CKI), Chuyên khoa cấp 2 (CKII), Bác sỹ Nội trú (NT), Cao học (CH) năm 2015. Gồm các chuyên ngành sau:

STT	CHUYÊN NGÀNH	CKI	CKII	NT	CH
1	Chẩn đoán hình ảnh	X	X		
2	Chẩn thương chỉnh hình	X	X		
3	Da liễu	X	X		
4	Điều dưỡng	X			
5	Gây mê hồi sức	X			
6	Hồi sức cấp cứu – chống độc	X			
7	Nhãn khoa	X	X	X	X
8	Nhi khoa	X	X	X	X
9	Nội tổng quát	X	X	X	X
10	Nội tim mạch		X		
11	Ngoại tổng quát	X	X	X	X
12	Phẫu thuật tạo hình	X			
13	Quản lý Y tế		X		
14	Sản phụ khoa	X	X		
15	Tai – Mũi – Họng	X	X	X	X
16	Thần kinh	X			
17	Tâm thần	X			
18	Truyền máu – Huyết học	X	X		
19	Truyền nhiễm	X			
20	Ung bướu	X			
21	Y học Gia đình	X			
22	Y tế công cộng	X			

I. ĐIỀU KIỆN DỰ THI VÀ CÁC MÔN THI CHO TỪNG CẤP:

1. TUYỂN SINH CHUYÊN KHOA CẤP I:

a) Điều kiện dự thi:

- Bác sỹ đa khoa đã tốt nghiệp thuộc hệ chính quy hoặc liên thông đang công tác tại các cơ sở y tế.

- Cử nhân Điều Dưỡng, cử nhân Điều dưỡng chuyên ngành Hộ sinh thuộc hệ chính quy hoặc liên thông (*đối với thí sinh dự thi Chuyên khoa I Điều Dưỡng*)

- Thâm niên công tác 12 tháng liên tục sau khi tốt nghiệp đại học, tính đến ngày dự thi, hiện đang công tác trong chuyên ngành đăng ký dự thi và được cơ quan chủ quản cử đi dự thi.

- Đối với các thí sinh dự thi chuyên ngành Tai – Mũi – Họng, Nhân khoa, Phẫu thuật tạo hình, phải có chứng chỉ Định hướng chuyên khoa do các trường được Bộ Y Tế cho phép đào tạo.

- Có đủ sức khỏe; lý lịch rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

b) Hình thức đào tạo: 2 năm tập trung.

c) Các môn thi tuyển: 2 môn: môn cơ sở và môn chuyên ngành.

TT	CHUYÊN NGÀNH	Môn Cơ sở	Môn chuyên ngành
1	Chẩn đoán hình ảnh	Giải phẫu	Chẩn đoán hình ảnh
2	Chấn thương chỉnh hình	Giải phẫu	Chấn thương chỉnh hình
3	Nhãn khoa	Giải phẫu	Nhãn khoa
4	Ngoại tổng quát	Giải phẫu	Ngoại tổng quát
5	Sản phụ khoa	Giải phẫu	Sản khoa
6	Tai – Mũi – Họng	Giải phẫu	Tai – Mũi – Họng
7	Phẫu thuật tạo hình	Giải phẫu	Phẫu thuật tạo hình
8	Ung bướu	Giải phẫu	Ung bướu
9	Da liễu	Sinh lý	Da liễu
10	Điều dưỡng	Sinh lý	Điều dưỡng
11	Gây mê hồi sức	Sinh lý	Gây mê hồi sức
12	Hồi sức cấp cứu – chống độc	Sinh lý	Hồi sức cấp cứu – chống độc
13	Nhi khoa	Sinh lý	Nhi khoa
14	Nội tổng quát	Sinh lý	Nội tổng quát
15	Tâm thần	Sinh lý	Tâm thần
16	Thần kinh	Sinh lý	Thần kinh
17	Truyền máu – Huyết học	Sinh lý	Huyết học
18	Truyền nhiễm	Sinh lý	Nhiễm
19	Y tế công cộng	Tổ chức quản lý y tế	Y tế công cộng
20	Y học Gia đình	Tổ chức quản lý y tế	Đa khoa lâm sàng (Nội, Ngoại, Sản, Nhi)

2. TUYỂN SINH CHUYÊN KHOA CẤP II:

a) Điều kiện dự thi:

- Bác sỹ đã tốt nghiệp chuyên khoa cấp I chuyên ngành tương ứng, có thâm niên công tác trong chuyên ngành dự thi từ 6 năm trở lên (không kể thời gian học CKI); hoặc có bằng tốt nghiệp BS Nội trú đã công tác trong chuyên ngành dự thi 03 năm (tính từ ngày tốt nghiệp BS Nội trú) cho đến ngày dự thi (tháng 08/2015); hiện đang làm việc trong chuyên ngành đăng ký dự thi và được cơ quan chủ quản cử đi dự thi.

- Thạc sỹ y học chuyên ngành tương ứng có thâm niên công tác từ 06 năm trở lên sau khi tốt nghiệp thạc sỹ tính đến ngày nộp hồ sơ dự thi (tháng 08/2015); hiện đang làm việc trong chuyên ngành đăng ký dự thi và được cơ quan chủ quản cử đi thi.

- Đối với chuyên khoa II Quản lý Y tế: đối tượng tuyển sinh là bác sỹ chuyên khoa I Y tế công cộng và bác sỹ chuyên khoa I các chuyên ngành khác nhưng phải học bổ sung 3 tháng về Y tế công cộng nếu trúng tuyển.

- Có đủ sức khỏe; lý lịch rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

b) Hình thức đào tạo: 2 năm tập trung.

c) Các môn thi tuyển:

- **Ngoại ngữ:** Anh văn hoặc Pháp văn trình độ C; nếu thí sinh đăng ký dự thi tiếng Nga, Đức, Trung phải chịu toàn bộ chi phí mời Hội đồng thi.

- **Môn chuyên ngành:** theo chuyên ngành đã đăng ký dự thi.

* Thí sinh được miễn thi môn Ngoại ngữ phải thỏa một trong hai điều kiện sau:

- Công tác liên tục 03 năm trở lên tại khu vực 1 (KV1).

- Công tác liên tục 03 năm trở lên tại khu vực 2 nông thôn đối với người không phải dân tộc Kinh.

+ Khu vực ưu tiên căn cứ theo bảng phân chia khu vực tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2015.

+ Các đối tượng miễn thi môn ngoại ngữ trên sẽ học và thi đạt môn ngoại ngữ (tương đương trình độ B, có phần chuyên ngành) trong quá trình đào tạo mới được xét thi tốt nghiệp chuyên khoa cấp II.

3. TUYỂN SINH CAO HỌC:

a) Điều kiện dự thi:

- Có bằng Bác sỹ đa khoa tốt nghiệp đại học năm 2015 trở về trước có ngành học đúng với chuyên ngành đăng ký dự thi.

- Có đủ sức khỏe; lý lịch rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

b) Hình thức đào tạo: 2 năm tập trung

c) Các môn thi tuyển:

- **Môn Toán xác suất thống kê.**

- **Môn cơ sở:** Sinh lý (chuyên ngành Nội, Nhi),

Giải phẫu (chuyên ngành Mắt, Ngoại, Tai – Mũi – Họng)

- **Môn Ngoại ngữ:** Anh văn hoặc Pháp văn có phần chuyên ngành (thang điểm 100 và đạt từ 50 điểm trở lên); nếu thí sinh đăng ký dự thi tiếng Nga, Đức, Trung phải chịu toàn bộ chi phí mời Hội đồng thi.

*** Các trường hợp được miễn thi tuyển môn Ngoại ngữ:**

- + Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo qui định hiện hành;
- + Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam;
- + Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;
- + Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi được cấp bởi một số cơ sở Bộ giáo dục và Đào Tạo cho phép hoặc công nhận (Phụ lục 1)

4. TUYỂN SINH BÁC SỸ NỘI TRÚ

a) Điều kiện dự thi:

- Bác sĩ đa khoa hệ chính qui, tốt nghiệp năm 2015 và đạt loại **KHÁ** trở lên (chỉ tính điểm thi tốt nghiệp đạt lần 1), tuổi đời không quá 27 tuổi (sinh từ tháng 08/1988 trở về sau), có đủ sức khỏe.
- Trong 6 năm học không bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên, không bị dừng học tập (trừ lý do sức khỏe).
- Thí sinh tốt nghiệp đạt loại **xuất sắc**, nếu có đủ điều kiện qui định được xét miễn thi tuyển.

b) Hình thức đào tạo: 3 năm tập trung.

c) Các môn thi tuyển:

➤ **Các môn thi chung:** 03 môn

- **Môn 1:** Toán xác suất thống kê.

- **Môn 2:** Ngoại ngữ (*Anh văn hoặc Pháp văn*)

- **Môn 3:** Chọn 1 trong 4 môn gồm **Giải phẫu, Sinh lý, Hóa sinh, Y sinh học di truyền.** (*do đại diện thí sinh bốc thăm ngay trước giờ thi*)

➤ **Môn chuyên ngành:** 02 môn (**Môn thi 4 và môn thi 5**)

- **Thí sinh đăng ký các chuyên ngành hệ Ngoại:**

môn thi 4 là *Ngoại khoa*, môn thi 5 là *Sản phụ khoa*

- **Thí sinh đăng ký các chuyên ngành hệ Nội:**

môn thi 4 là *Nội khoa*, môn thi 5 là *Nhi khoa*

➤ **Môn cơ sở:** 01 môn

- **Thí sinh đăng ký các chuyên ngành hệ Ngoại:** môn 6 là *Giải phẫu*

Thí sinh đăng ký các chuyên ngành hệ Nội: môn 6 là *Sinh lý*

d) Điều kiện xét tuyển và xét trúng tuyển

➤ **Điều kiện xét tuyển:** (*tính theo thang điểm 10*)

- Các môn thi phải đạt $\geq 5,0$ điểm.

- Các môn chuyên ngành phải đạt $\geq 7,0$ điểm

➤ **Xét trúng tuyển:**

- Tính tổng điểm các môn thi (*không tính môn thi 2*), lấy điểm từ cao xuống theo chỉ tiêu của từng chuyên ngành

- Trường hợp thí sinh cùng chuyên ngành, có tổng điểm bằng nhau sẽ xét điểm môn thi 2 (*môn thi Ngoại ngữ*)

II. CHẾ ĐỘ ƯU TIÊN: những đối tượng được ưu tiên trong tuyển sinh (*không áp dụng cho các thí sinh đăng ký dự thi Bác sỹ Nội trú*).

1. Đối tượng ưu tiên:

- a) Người hiện đang công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được qui định. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;
- b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;
- c) Con liệt sĩ;
- d) Anh hùng lực lượng vũ trang; anh hùng Lao động;
- e) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được qui định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh Đại học, cao đẳng hệ chính qui hiện hành
- f) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

2. MỨC ƯU TIÊN:

- Chuyên khoa I: Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng thêm một điểm (1đ) vào kết quả thi cho môn cơ sở (thang điểm 10);
- Chuyên khoa II: Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng mười điểm (10đ) vào kết quả thi cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100).
- Cao học: Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng mười điểm (10đ) vào kết quả thi cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ theo qui định và cộng một điểm (1đ) vào kết quả thi cho môn thi Xác suất thống kê (thang điểm 10)

GHI CHÚ:

- + Các thí sinh thuộc diện trên đề nghị nộp giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền khi đi nộp hồ sơ (*không giải quyết trường hợp bổ sung giấy ưu tiên sau khi đã nộp hồ sơ*).
- + Mỗi thí sinh chỉ được hưởng 1 diện ưu tiên, thí sinh không đăng ký ưu tiên khi nộp hồ sơ dự thi sẽ không được Hội đồng thi xét duyệt ưu tiên.
- + Khu vực ưu tiên căn cứ phân chia khu vực tuyển sinh Đại học, Cao đẳng năm 2015

III. HỒ SƠ DỰ THI:

1. 04 tấm ảnh màu 3x4 (*ảnh chụp không quá 6 tháng*) và ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh, cấp đào tạo, chuyên ngành dự thi sau mỗi tấm ảnh
2. Phiếu nộp hồ sơ dự thi (*theo mẫu*).
3. Đơn xin dự thi (*có phân xác nhận thâm niên công tác theo mẫu của trường ĐHYK Phạm Ngọc Thạch*).
4. Công văn cử đi dự thi của cơ quan trực tiếp quản lý (*ghi rõ cấp đào tạo, chuyên ngành đăng ký dự thi*).
5. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan chủ quản hoặc chính quyền địa phương (*theo mẫu*).

6. Giấy chứng nhận sức khỏe (*của bệnh viện đa khoa hoặc phòng khám đa khoa*).
7. Bản sao giấy khai sinh (*).
8. Bản sao bằng tốt nghiệp Bác sĩ (*).
9. Bản sao bằng tốt nghiệp Cử nhân Điều dưỡng hoặc cử nhân Điều dưỡng chuyên ngành Hộ sinh (*) *đối với thí sinh đăng ký dự thi Chuyên khoa I Điều Dưỡng.*
10. Bản sao văn bằng tốt nghiệp Y sĩ và bằng điểm kết quả học tập lớp Y sĩ *đối với thí sinh tốt nghiệp Bác sĩ hệ liên thông* (*).
11. Bản sao bằng tốt nghiệp Chuyên khoa I hoặc bằng tốt nghiệp Cao học kèm bằng điểm Cao học *đối với thí sinh dự thi Chuyên khoa II* (*).
12. Bản sao định hướng chuyên khoa *đối với thí sinh dự thi chuyên khoa I chuyên ngành Tai – Mũi – Họng, Nhân khoa, Phẫu thuật tạo hình* (*).
13. Bản sao chứng chỉ miễn thi Ngoại ngữ theo qui định (*) (*nếu có*).
14. Đơn xin miễn thi ngoại ngữ (*nếu có*) (*theo mẫu*).
15. Đối với thí sinh dự thi **Bác sĩ Nội trú** cần thêm Giấy xác nhận của cơ sở đào tạo phải có đủ 3 nội dung sau:
 - Xếp loại tốt nghiệp đại học (*nếu thí sinh chưa được cấp bằng tốt nghiệp đại học, phải nộp kèm giấy chứng nhận tốt nghiệp; chỉ tính điểm lần 1*)
 - Xác nhận không bị lưu ban, kỷ luật trong suốt quá trình học đại học.
 - Xác nhận không dừng học tập trong suốt quá trình học đại học (*trừ lý do sức khỏe*)
16. Giấy xác nhận thuộc diện ưu tiên của cơ quan có thẩm quyền (*nếu có*) (*theo mẫu*).
17. Bản photocopy biên lai đóng tiền các khoản thu liên quan thi tuyển.

LƯU Ý:

(*) Tất cả các bản sao văn bằng, chứng chỉ phải có công chứng hoặc nộp bản photocopy có xuất trình kèm bản chính để cơ sở đào tạo đối chiếu.

+ Hồ sơ được nhận khi **đầy đủ và xếp theo đúng thứ tự ở trên.**

+ Hồ sơ và các khoản thu liên quan đến thi tuyển sẽ không hoàn lại nếu thí sinh không được dự thi, bỏ thi hoặc thi không đạt.

+ Không nhận hồ sơ qua đường bưu điện.

+ **Đối với các thí sinh dự thi thuộc biên chế Nhà nước tại các cơ sở y tế TP.HCM chỉ chi trả 1 phần học phí, phần còn lại sẽ do ngân sách Nhà nước chi trả khi thỏa các điều kiện sau:**

- Sau khi trúng tuyển phải **có công văn cử đi học** của Sở Y Tế TP.HCM hoặc Ủy ban nhân dân quận/huyện tại TP.HCM
- Tuổi dự thi:
 - **Chuyên khoa I:** Nữ có tuổi đời không quá 45 tuổi (*sinh từ tháng 8/1970 trở về sau*), Nam có tuổi đời không quá 50 tuổi (*sinh từ tháng 8/1965 trở về sau*)
 - **Chuyên khoa II:** Nữ có tuổi đời không quá 50 tuổi (*sinh từ tháng 8/1965 trở về sau*), Nam có tuổi đời không quá 55 tuổi (*sinh từ tháng 8/1960 trở về sau*)

Ngoài các diện trên, thí sinh sẽ tự túc kinh phí đào tạo sau khi trúng tuyển.

IV. THỜI GIAN - ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH VÀ NHẬN HỒ SƠ:

- Thời gian nhận hồ sơ và lệ phí thi tuyển: từ ngày có thông báo đến hết ngày 30/6/2015.
- Thời gian nhận giấy báo dự thi: từ ngày 27/7/2015 đến 31/7/2015.

- Địa điểm phát hành, nhận hồ sơ, nhận giấy báo dự thi:

Phòng Sau Đại Học (lầu 2 khu A1)

Trường ĐHYK Phạm Ngọc Thạch, số 86/2 Thành Thái Q.10

V. ÔN THI VÀ THI TUYỂN:

- Đăng ký, nộp lệ phí ôn thi tại Phòng Tài chính Kế toán trường Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch từ ngày **11/5/2015**.
- Thời gian bắt đầu ôn thi: **01/6/2015** (*xem lịch ôn tập cụ thể tại phòng Sau đại học trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch*).
- Các khoản thu nhận, duyệt, kiểm tra hồ sơ dự thi: **100.000đ / 01 hồ sơ**.
- Lệ phí ôn thi:
 - + **300.000đ / 01 môn** đối với thí sinh dự thi Chuyên khoa I.
 - + **400.000đ / 01 môn** đối với thí sinh dự thi Chuyên khoa II.
 - + **500.000đ / 01 môn** đối với thí sinh dự thi Cao học, Nội trú.
- Lệ phí thi: **300.000đ / 01 môn**.

VI. THỜI GIAN THI VÀ ĐỊA ĐIỂM THI:

Ngày	Giờ có mặt	Đối tượng	Nội dung	Địa điểm thi
04/08/2015 (thứ ba)	7g00	- CH, NT	Thi môn Toán XSTK	Trường ĐHYK Phạm Ngọc Thạch, 86/2 Thành Thái, Q.10, TP.HCM
	13g00	- CKI - CH, NT	Thi môn Cơ sở	
05/08/2015 (thứ tư)	7g00	- CKII, CH, NT	Thi môn Ngoại ngữ	
	13g00	- CKI, CKII	Thi môn Chuyên ngành	
		- BS. Nội trú	Thi môn thi 4	
06/8/2015 (thứ năm)	8g00	- BS Nội trú	Thi môn thi 5	
	13g00	- BS Nội trú	Thi môn thi 6	

Nơi nhận:

- Sở Y tế TP.HCM
- Sở Y tế các tỉnh phía Nam
- Các BV trực thuộc Sở Y tế TP.HCM
- Các BV Quận, Huyện thuộc Sở Y tế TP.HCM
- Lưu: VT, SDH, H.(300)



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Nguyễn Thị Ngọc Dung

TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ ĐƯỢC MIỄN THI MÔN NGOẠI NGỮ (CAO HỌC)

TIẾNG ANH

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	CEFR
Cấp độ 3	4.5	450 ITP 133 CBT 45 iBT	450	PET	Preliminary	40	B1

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

MỘT SỐ TIẾNG KHÁC

Khung năng lực ngoại ngữ VN	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật
Cấp độ 3	TEKI 1	DELTA B1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4